

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG ĐỒNG NAI**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	03 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2022	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2022	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2022	08 - 09
Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	10 - 33

236
ĐỒNG
TÂN
TOÁN
MVI
T.P

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2022.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Thanh Hải	Chủ tịch
Ông Huỳnh Ngọc Tuấn	Thành viên
Ông Trần Văn Nguyên	Thành viên
Ông Nguyễn Tiến Hùng	Thành viên
Ông Đặng Doãn Kiên	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Trưởng ban
Bà Hoàng Thị Thu Thủy	Thành viên
Ông Hồ Sĩ Tuấn	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Ngọc Tuấn	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc tài chính
Ông Trần Văn Nguyên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Ban	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

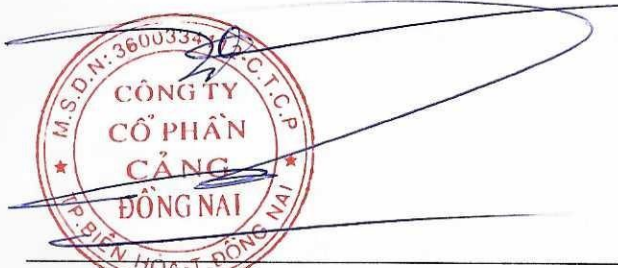
Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Ngọc Tuấn

Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 10 tháng 08 năm 2022

C.T.P.
VĂN
M
Hi M



RSM Vietnam

Lầu 5, Tòa nhà Sài Gòn 3
140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

T +848 3827 5026

F +848 3827 5027

www.rsm.global/vietnam

Số: 21/2022/SX-RSMHCM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các thành viên Hội đồng Quản trị**
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10 tháng 08 năm 2022 từ trang 05 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

(Xem trang tiếp theo)

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Đặng Thị Hồng Loan
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0425-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2022

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG ĐÔNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2022	Tại ngày 01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		498.958.006.154	378.414.901.630
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	215.124.055.981	174.597.532.384
1. Tiền	111		74.129.035.411	48.602.511.814
2. Các khoản tương đương tiền	112		140.995.020.570	125.995.020.570
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4.2	130.000.000.000	100.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		130.000.000.000	100.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		152.323.062.040	102.731.377.495
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	145.211.893.367	99.895.976.613
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	5.414.852.085	2.675.458.509
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	4.132.477.110	2.571.757.291
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(2.436.160.522)	(2.411.814.918)
IV. Hàng tồn kho	140		1.270.430.323	597.143.412
1. Hàng tồn kho	141	4.7	1.270.430.323	597.143.412
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		240.457.810	488.848.339
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.8	240.457.810	488.848.339
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		756.197.630.477	763.432.696.876
I. Tài sản cố định	220		402.292.945.430	425.978.124.843
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	398.783.498.805	422.097.782.559
Nguyên giá	222		876.606.230.726	872.663.191.064
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(477.822.731.921)	(450.565.408.505)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.10	3.509.446.625	3.880.342.284
Nguyên giá	228		7.437.674.168	7.397.674.168
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.928.227.543)	(3.517.331.884)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		243.348.234.144	226.101.000.153
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.11	243.348.234.144	226.101.000.153
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.2	62.565.000.000	62.565.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		15.165.000.000	15.165.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		47.400.000.000	47.400.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		47.991.450.903	48.788.571.880
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.8	47.991.450.903	48.788.571.880
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.255.155.636.631	1.141.847.598.506

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2022	Tại ngày 01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		498.682.795.227	417.026.120.870
I. Nợ ngắn hạn	310		363.040.789.335	280.526.114.978
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.12	95.927.046.569	97.235.924.898
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		871.115.452	1.167.559.745
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.13	25.986.358.083	11.224.775.294
4. Phải trả người lao động	314	4.14	21.949.146.600	23.255.653.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.15	5.375.356.168	6.246.583.019
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.554.236.896	1.032.156.465
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.16	50.611.105.360	5.533.995.213
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.17	95.751.118.659	89.407.903.087
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	4.18	19.680.304.750	13.433.005.600
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.19	45.335.000.798	31.988.558.657
II. Nợ dài hạn	330		135.642.005.892	136.500.005.892
1. Phải trả dài hạn khác	337	4.16	19.619.590.242	19.619.590.242
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.17	116.022.415.650	116.880.415.650
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		756.472.841.404	724.821.477.636
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.20	756.472.841.404	724.821.477.636
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		185.219.540.000	185.219.540.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		185.219.540.000	185.219.540.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		74.434.806.545	74.434.806.545
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		320.133.031.541	320.133.031.541
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		176.685.463.318	145.034.099.550
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		51.005.041.550	48.565.341.906
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		125.680.421.768	96.468.757.644
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.255.155.636.631	1.141.847.598.506



Nguyễn Ngọc Tuấn
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 10 tháng 08 năm 2022

Vũ Thị Quỳnh Trang
Kế toán trưởng

Nguyễn Cảnh Thìn
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 02a - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	1	4.22	529.475.461.122	468.286.871.366
2. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	10		529.475.461.122	468.286.871.366
3. Giá vốn hàng bán	11	4.23	342.122.739.687	319.855.254.946
4. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ	20		187.352.721.435	148.431.616.420
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.24	7.404.607.928	5.860.724.159
6. Chi phí tài chính	22	4.25	7.372.669.696	6.246.085.150
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		7.372.669.696	6.246.085.150
7. Chi phí bán hàng	25	4.26	6.414.074.435	9.039.436.574
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4.27	24.677.593.978	25.020.681.628
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		156.292.991.254	113.986.137.227
10. Thu nhập khác	31		448.094.639	217.417.352
11. Chi phí khác	32		95.217.351	3.413.657
12. Lợi nhuận khác	40		352.877.288	214.003.695
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		156.645.868.542	114.200.140.922
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.29	30.965.446.774	22.429.807.410
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		125.680.421.768	91.770.333.512
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.20.4	5.945	4.340
17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.20.5	5.945	4.340



Nguyễn Ngọc Tuấn
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 10 tháng 08 năm 2022

Vũ Thị Quỳnh Trang
Kế toán trưởng

Nguyễn Cảnh Thìn
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 03a - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		156.645.868.542	114.200.140.922
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ	02	4.28	29.032.272.711	28.263.314.936
Các khoản dự phòng	03	4.28	10.024.345.604	7.015.605.090
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(7.473.079.928)	(5.860.724.159)
Chi phí lãi vay	06	4.25	7.372.669.696	6.246.085.150
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		195.602.076.625	149.864.421.939
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(48.407.389.050)	(25.751.431.904)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(673.286.911)	147.143.342
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		2.137.872.760	14.216.457.654
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.045.511.506	1.000.697.840
Tiền lãi vay đã trả	14		(7.389.322.391)	(6.304.002.460)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.13	(18.480.824.647)	(5.716.850.349)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		400.000	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(6.595.199.859)	(9.385.441.264)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		117.239.838.033	118.070.994.798
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(30.487.149.787)	(59.730.082.465)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		68.472.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(130.000.000.000)	(70.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		100.000.000.000	60.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.195.966.829	5.631.099.504
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(54.222.710.958)	(64.098.982.961)

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 03a - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	4.30	186.197.544.940	162.686.102.837
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	4.31	(180.712.329.368)	(155.946.169.927)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(27.975.819.050)	(27.693.160.300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(22.490.603.478)	(20.953.227.390)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50		40.526.523.597	33.018.784.447
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		174.597.532.384	172.560.103.394
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ (70 = 50+60+61)	70	4.1	215.124.055.981	205.578.887.841



Nguyễn Ngọc Tuấn
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 10 tháng 08 năm 2022

Vũ Thị Quỳnh Trang
Kế toán trưởng

Nguyễn Cảnh Thìn
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là một doanh nghiệp Nhà nước. Ngày 24 tháng 08 năm 2005, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600334112 ngày 04 tháng 01 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 14 tháng 08 năm 2019 để thay đổi vốn điều lệ.

Ngày 04 tháng 08 năm 2011, Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 118/2011/QĐ-SGDHCM ngày 04 tháng 08 năm 2011 của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 26 tháng 10 năm 2011, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Thông báo số 867/2011/TB-SGDHCM ngày 12 tháng 10 năm 2011 của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi gần đây nhất là 185.219.540.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Tại ngày 30/06/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	94.462.200.000	51,00	94.462.200.000	51,00
Tổng Công ty Cổ phần Đường Sông Miền Nam	37.500.000.000	20,25	37.500.000.000	20,25
Các cổ đông khác	53.257.340.000	28,75	53.257.340.000	28,75
Cộng	185.219.540.000	100,00	185.219.540.000	100,00

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 1B-D3, khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 là 272 (31 tháng 12 năm 2021 là: 271).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh dịch vụ cảng biển.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Bốc xếp hàng hóa (Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa cảng biển);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Chi tiết: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan);
- Bán buôn nông lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Chi tiết: Bán buôn thóc, ngô và các loại ngũ cốc khác, bán buôn nông, lâm sản, nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa));
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) (Chi tiết: Vận tải hành khách bằng taxi);
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Chi tiết: Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Vận tải hàng hóa đường sắt (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Công ty có các công ty liên kết như sau:

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	Cảng Gò Dầu A, khu công nghiệp Gò Dầu, xã Phước Thái, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	30%	30%	30%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai	Phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	45%	45%	45%

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**2.3. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính năm 2021.

4. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Tiền mặt	613.053.446	652.990.723
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	73.515.981.965	47.949.521.091
Các khoản tương đương tiền (*)	140.995.020.570	125.995.020.570
Cộng	215.124.055.981	174.597.532.384

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng tại các ngân hàng, với lãi suất từ 3,2%/năm đến 5,8%/năm.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.2. Các khoản đầu tư tài chính**

Đầu tư nắm giữ đến hạn ngắn hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 06 - 12 tháng tại các ngân hàng với lãi suất từ 3,9%/năm đến 6,0%/năm.

Đầu tư tài chính dài hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty liên kết:				
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành (a)	1.665.000.000	(*)	1.665.000.000	(*)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai (b)	13.500.000.000	(*)	13.500.000.000	(*)
Cộng	15.165.000.000		15.165.000.000	
Đầu tư vào đơn vị khác:				
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức (c)	7.000.000.000	31.500.000.000	7.000.000.000	47.600.000.000
Công ty Cổ phần Sonadezi Bình Thuận (d)	40.400.000.000	(*)	40.400.000.000	(*)
Cộng	47.400.000.000		47.400.000.000	



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

- (a) Khoản đầu tư này chiếm 30% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cảng Long Thành, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Cảng Long Thành là: kinh doanh khai thác cầu cảng; khai thác kho tàng bến bãi; bốc xếp và vận tải hàng hóa bằng ô tô trong và ngoài cảng; các dịch vụ của ngành hàng hải; dịch vụ sửa chữa phương tiện bốc xếp, vận tải, tàu lai dắt; vận chuyển hàng hóa đường thủy, đường bộ; cung cấp nhiên liệu (xăng, dầu, dầu nhờn các loại); đại lý và dịch vụ khai thác hàng hải.
- (b) Khoản đầu tư này chiếm 45% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai là: cho thuê máy móc thiết bị xây dựng; cho thuê container, kho bãi và lưu giữ hàng hóa; xây dựng công trình công nghiệp, đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, đường hầm, nạo vét sông.
- (c) Khoản đầu tư này chiếm 0,7% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam, niêm yết trên sàn HOSE với mã chứng khoán là SZC. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức là: cho thuê đất và mặt bằng; tư vấn thiết kế, quy hoạch, lập dự án đầu tư; tư vấn quản lý dự án, giám sát, thẩm định, kiểm định công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông; kinh doanh công trình kết cấu hạ tầng. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, giá niêm yết trên thị trường của khoản đầu tư này là 31.500.000 VND, tương đương với 45.000 VND/cổ phiếu.
- (d) Khoản đầu tư này chiếm 10,1 % vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Sonadezi Bình Thuận, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Sonadezi Bình Thuận là: kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- (*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan - Xem thêm Mục 4.33	63.530.409	990.246.790
Phải thu từ khách hàng:		
Maersk Line A/S	50.412.872.932	21.825.633.043
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng - Cái Mép	13.840.885.289	11.901.702.273
Các khách hàng khác (*)	80.894.604.737	65.178.394.507
Cộng	145.211.893.367	99.895.976.613

(*) Tại ngày 30/06/2022, mỗi khoản phải thu khách hàng khác có giá trị nhỏ hơn 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Phú Xuân	2.475.032.682	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Du Lịch Tuổi Trẻ Việt	700.000.000	-
Các nhà cung cấp khác (*)	2.239.819.403	2.675.458.509
Cộng	5.414.852.085	2.675.458.509

(*) Tại ngày 30/06/2022, mỗi khoản trả trước cho các nhà cung cấp khác có giá trị nhỏ hơn 10% tổng số trả trước cho người bán ngắn hạn.

4.5. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/06/2022 VND		Tại ngày 01/01/2022 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu khác là bên liên quan - Xem thêm Mục 4.33	945.000.000	-	-	-
Phải thu ngắn hạn khác:				
Dự thu lãi tiền gửi	2.020.619.179	-	1.756.978.080	-
Tạm ứng cho nhân viên	625.750.000	-	756.000.000	-
Phải thu khác (*)	541.107.931	-	58.779.211	-
Cộng	4.132.477.110	-	2.571.757.291	-

(*) Tại ngày 30/06/2022, mỗi khoản phải thu khác có giá trị nhỏ hơn 10% tổng số phải thu ngắn hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.6. Nợ xấu**

	Tại ngày 30/06/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	2.520.930.732	84.770.210	2.545.454.732	133.639.814
Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:				
	Tại ngày 30/06/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Đa phương thức Minh Phát	354.026.166	-	354.026.166	-
Công ty TNHH An Tiến Phát	249.824.654	-	249.824.654	-
Các khách hàng khác	1.917.079.912	84.770.210	1.941.603.912	133.639.814
Cộng	2.520.930.732	84.770.210	2.545.454.732	133.639.814

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.7. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 30/06/2022 VND		Tại ngày 01/01/2022 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	1.223.230.323	-	597.143.412	-
Hàng hóa	47.200.000	-	-	-
Cộng	1.270.430.323	-	597.143.412	-

4.8. Chi phí trả trước

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Ngắn hạn:		
Chi phí mua bảo hiểm	231.972.314	478.601.299
Các khoản khác	8.485.496	10.247.040
Cộng	240.457.810	488.848.339
Dài hạn:		
Tiền thuê đất trả trước (*)	39.398.388.388	40.045.498.132
Chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng không được cân trừ vào tiền thuê đất	8.405.264.834	8.506.533.086
Các khoản khác	187.797.681	236.540.662
Cộng	47.991.450.903	48.788.571.880

(*) Là khoản tiền Công ty đã ứng ra để đền bù khu đất 3 ha, khu đất 42.776,8 m² và khu đất 158.584,8 m², số tiền này được cân trừ vào tiền thuê đất hàng năm mà Công ty phải nộp cho Ngân sách Nhà nước (Cục thuế tỉnh Đồng Nai). Ngày 24 tháng 09 năm 2015, Cục thuế tỉnh Đồng Nai có thông báo số 687/TB.CT.QLCKTTD và 120/TB.CT.QLCKTTD cho phép Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai quy đổi số tiền còn phải cân trừ còn lại tương ứng với thời gian hoàn thành nghĩa vụ nộp tiền thuê đất đến hết thời hạn thuê đất.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG DÒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá:	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2022	673.365.461.306	114.112.844.244	64.508.309.687	8.321.315.826	12.355.260.001	872.663.191.064
Mua trong kỳ	-	-	-	82.309.091	623.500.000	705.809.091
Đầu tư XDCB hoàn thành	2.132.310.755	-	1.569.774.897	-	899.198.555	4.601.284.207
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	(1.364.053.636)	(1.364.053.636)
Tại ngày 30/06/2022	675.497.772.061	114.112.844.244	66.078.084.584	8.403.624.917	12.513.904.920	876.606.230.726
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2022	315.717.788.637	69.631.029.351	50.008.389.468	7.270.608.435	7.937.592.614	450.565.408.505
Khấu hao trong kỳ	19.761.742.648	4.855.467.456	2.907.613.691	266.230.140	830.323.117	28.621.377.052
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	(1.364.053.636)	(1.364.053.636)
Tại ngày 30/06/2022	335.479.531.285	74.486.496.807	52.916.003.159	7.536.838.575	7.403.862.095	477.822.731.921

Giá trị còn lại:

Tại ngày 01/01/2022	357.647.672.669	44.481.814.893	14.499.920.219	1.050.707.391	4.417.667.387	422.097.782.559
Tại ngày 30/06/2022	340.018.240.776	39.626.347.437	13.162.081.425	866.786.342	5.110.042.825	398.783.498.805

Giá trị còn lại tại ngày 30/06/2022 của TSCĐ hữu hình là 177.712.246.140 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay - Xem thêm Mục 4.17.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 124.823.994.014 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm kế toán, bản quyền VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2022	1.818.363.207	5.579.310.961	7.397.674.168
Mua trong kỳ	-	40.000.000	40.000.000
Tại ngày 30/06/2022	1.818.363.207	5.619.310.961	7.437.674.168
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2022	-	3.517.331.884	3.517.331.884
Khấu hao trong kỳ	-	410.895.659	410.895.659
Tại ngày 30/06/2022	-	3.928.227.543	3.928.227.543
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2022	1.818.363.207	2.061.979.077	3.880.342.284
Tại ngày 30/06/2022	1.818.363.207	1.691.083.418	3.509.446.625

Giá trị còn lại tại ngày 30/06/2022 của TSCĐ vô hình là 499.781.967 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay - Xem thêm Mục 4.17.

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 570.800.000 VND.

4.11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Chi phí đền bù mở rộng cảng Đồng Nai giai đoạn 2B	111.892.634.000	102.608.467.000
Chi phí đền bù mở rộng cảng Đồng Nai giai đoạn 2 (9 ha)	65.984.124.425	65.984.124.425
Chi phí đầu tư hạ tầng khu tái định cư phục vụ dự án mở rộng cảng Đồng Nai giai đoạn 2	52.586.971.360	52.586.971.360
Các dự án khác	12.884.504.359	4.921.437.368
Cộng	243.348.234.144	226.101.000.153

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan - Xem thêm Mục 4.33	25.378.634.433	25.378.634.433	16.229.267.315	16.229.267.315
Phải trả cho người bán:				
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải HPS Marine	41.746.704.326	41.746.704.326	36.444.491.000	36.444.491.000
Phải trả cho các đối tượng khác	28.801.707.810	28.801.707.810	44.562.166.583	44.562.166.583
Cộng	95.927.046.569	95.927.046.569	97.235.924.898	97.235.924.898

4.13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 30/06/2022		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2022	
	Phải nộp	VND	Phải nộp	VND	Phải nộp	VND
Thuế giá trị gia tăng	5.297.392.432	5.297.392.432	17.538.302.500	17.538.302.500	1.977.583.523	1.977.583.523
Thuế thu nhập doanh nghiệp	20.635.284.328	20.635.284.328	30.965.446.774	30.965.446.774	8.150.662.201	8.150.662.201
Thuế thu nhập cá nhân	53.681.323	53.681.323	2.928.294.551	2.928.294.551	1.096.529.570	1.096.529.570
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	5.150.719.519	5.150.719.519	-	-
Phí sử dụng đất phi nông nghiệp	-	-	413.194.379	413.194.379	-	-
Các loại thuế khác	-	-	5.000.000	5.000.000	-	-
Cộng	25.986.358.083	25.986.358.083	57.000.957.723	57.000.957.723	11.224.775.294	11.224.775.294

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.14. Phải trả người lao động**

Là khoản tiền lương còn phải trả cho cán bộ, công nhân viên tại ngày 30/06/2022.

4.15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Trích trước chi phí dịch vụ vận chuyển, xếp dỡ	4.185.736.074	5.213.278.935
Trích trước chi phí hoa hồng môi giới	850.750.192	641.968.171
Trích trước chi phí lãi vay	338.869.902	355.522.597
Các khoản chi phí phải trả khác	-	35.813.316
Cộng	5.375.356.168	6.246.583.019

4.16. Phải trả khác

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Ngắn hạn:		
Phải trả khác cho các bên liên quan - Xem thêm Mục 4.33	33.861.525.000	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	12.734.163.695	483.691.745
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.015.416.665	5.050.303.468
Cộng	50.611.105.360	5.533.995.213
Dài hạn:		
Phải trả Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam tiền hỗ trợ giải phóng mặt bằng cho người dân	16.530.632.897	16.530.632.897
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.088.957.345	3.088.957.345
Cộng	19.619.590.242	19.619.590.242

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.17. Vay**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2022		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	95.751.118.659	95.751.118.659	187.055.544.940	180.712.329.368	89.407.903.087	89.407.903.087
Vay dài hạn	116.022.415.650	116.022.415.650	17.400.000.000	18.258.000.000	116.880.415.650	116.880.415.650
Cộng	211.773.534.309	211.773.534.309	204.455.544.940	198.970.329.368	206.288.318.737	206.288.318.737

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

Vay ngắn hạn:	Loại tiền	Lãi suất	Tại ngày	
			30/06/2022	01/01/2022
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	4,5%/năm	23.284.883.425	23.544.183.368 (a)
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	4,4%/năm	35.950.235.234	30.222.719.719 (a)
Vay dài hạn đến hạn trả:				
Quý Đầu tư Phát triển	VND	7,0%/năm	21.612.000.000	20.737.000.000 (b)
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	7,5%-8,1%/năm	14.904.000.000	14.904.000.000 (c)
Cộng			95.751.118.659	89.407.903.087

CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

Vay dài hạn:	Loại tiền	Lãi suất	Tại ngày	
			30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
Quý Đầu tư Phát triển	VND	7,0%/năm	65.173.109.247	58.579.109.247 (b)
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	7,5%-8,1%/năm	50.849.306.403	58.301.306.403 (c)
Cộng			116.022.415.650	116.880.415.650

(a) Khoản vay không có tài sản đảm bảo;

(b) Khoản vay được đảm bảo bằng:

- Bến tàu 30.000 DWT;
- 2 cầu Libebherr (Hợp đồng thế chấp tài sản số 33/2014.HĐTC-TD ngày 24/12/2014).

(c) Khoản vay được đảm bảo bằng tất cả các khoản lợi thu được từ việc kinh doanh, khai thác giá trị quyền sử dụng đất hoặc hạ tầng kỹ thuật trên đất, các khoản lợi thu được từ việc kinh doanh, khai thác bãi hoặc hạ tầng kỹ thuật trên bãi, quyền nhận tiền từ hợp đồng, quyền đòi nợ, quyền được nhận số tiền bảo hiểm, quyền nhận các khoản tiền bồi thường phạt vi phạm,... và tất cả các quyền và lợi ích phát sinh từ hợp đồng thuê quyền sử dụng đất 157.544,4 m² tại xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai và bãi cấp phối sỏi đá 7,15 ha và 2,17 ha thuộc dự án cảng Gò Dầu B giai đoạn 2 tại xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai (Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/CĐN/2015/HĐTC và Hợp đồng thế chấp tài sản 02/CĐN/2017/HĐTC ngày 29 tháng 09 năm 2017).

Giá trị còn lại của tài sản cố định dùng cầm cố thế chấp cho các khoản vay là 178.212.028.107 VND - Xem thêm Mục 4.9 và 4.10.

4.18. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Là khoản trích quỹ dự phòng tiền lương và dự phòng sửa chữa lớn tài sản cố định tại ngày 30/06/2022.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.19. Quỹ khen thưởng phúc lợi**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Số dư đầu kỳ	31.988.558.657	24.452.719.496
Trích lập trong kỳ	19.941.242.000	19.783.436.000
Tăng khác	400.000	-
Sử dụng trong kỳ	(6.595.199.859)	(9.385.441.264)
Số dư cuối kỳ	<u>45.335.000.798</u>	<u>34.850.714.232</u>

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.20. Vốn chủ sở hữu****4.20.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	VND	
Tại ngày 01/01/2021	185.219.540.000	74.434.806.545	255.820.526.541	133.175.616.906	648.650.489.992	
Lãi trong 06 tháng đầu năm trước	-	-	-	91.770.333.512	91.770.333.512	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(16.540.816.000)	(16.540.816.000)	
Trích quỹ khen thưởng cá nhân, đơn vị hữu quan	-	-	-	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)	
Trích quỹ chi công tác xã hội	-	-	-	(1.594.620.000)	(1.594.620.000)	
Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-	-	(648.000.000)	(648.000.000)	
Chia cổ tức	-	-	-	(64.826.839.000)	(64.826.839.000)	
Tại ngày 30/06/2021	185.219.540.000	74.434.806.545	255.820.526.541	140.335.675.418	655.810.548.504	
Lãi trong 06 tháng cuối năm trước	-	-	-	69.010.929.132	69.010.929.132	
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	64.312.505.000	(64.312.505.000)	-	
Tại ngày 01/01/2022	185.219.540.000	74.434.806.545	320.133.031.541	145.034.099.550	724.821.477.636	
Lãi trong 06 tháng đầu năm nay	-	-	-	125.680.421.768	125.680.421.768	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(16.685.939.000)	(16.685.939.000)	
Trích quỹ khen thưởng cá nhân, đơn vị hữu quan	-	-	-	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)	
Trích quỹ chi công tác xã hội	-	-	-	(1.607.813.000)	(1.607.813.000)	
Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-	-	(647.490.000)	(647.490.000)	
Chia cổ tức	-	-	-	(74.087.816.000)	(74.087.816.000)	
Tại ngày 30/06/2022	185.219.540.000	74.434.806.545	320.133.031.541	176.685.463.318	756.472.841.404	

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.20.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	94.462.200.000	94.462.200.000
Vốn góp của các đối tượng khác	90.757.340.000	90.757.340.000
Cộng	185.219.540.000	185.219.540.000

4.20.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2022	Tại ngày 01/01/2022
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	18.521.954	18.521.954
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	18.521.954	18.521.954
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	18.521.954	18.521.954

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.

4.20.4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	125.680.421.768	91.770.333.512
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(15.566.417.953)	(11.382.013.046)
Lợi nhuận sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	110.114.003.815	80.388.320.466
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	18.521.954	18.521.954
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.945	4.340

Tại ngày báo cáo tài chính, Công ty ước tính số trích quỹ khen thưởng phúc lợi kỳ này theo tỷ lệ phân bổ lợi nhuận sau thuế dự kiến năm 2022 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 20/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 04 năm 2022.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.20.5. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	125.680.421.768	91.770.333.512
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(15.566.417.953)	(11.382.013.046)
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	110.114.003.815	80.388.320.466
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	18.521.954	18.521.954
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	18.521.954	18.521.954
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	5.945	4.340

Tại ngày báo cáo tài chính, Công ty ước tính số trích quỹ khen thưởng phúc lợi kỳ này theo tỷ lệ phân bổ lợi nhuận sau thuế dự kiến năm 2022 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 20/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 04 năm 2022.

4.20.6. Cổ tức

Căn cứ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 20/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 04 năm 2022, tỷ lệ chia cổ tức năm 2021 là 40% trên vốn điều lệ.

4.21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 30/06/2022	Tại ngày 01/01/2022
Ngoại tệ các loại:		
USD	83.782,56	83.782,56

4.22. Doanh thu cung cấp dịch vụ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	525.884.022.256	465.017.636.190
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan - Xem thêm Mục 4.33	3.591.438.866	3.269.235.176
Cộng	529.475.461.122	468.286.871.366

Doanh thu cung cấp dịch vụ kỳ này tăng hơn 13% so với kỳ trước là do việc triển khai thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng cảng biển trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh từ ngày 01 tháng 04 năm 2022 đã tạo điều kiện thuận lợi cho đơn vị khai thác tốt tuyến dịch vụ trung chuyển hàng hoá bằng sà lan từ cảng Đồng Nai về các cảng khu vực Cái Mệp và khu vực Hồ Chí Minh. Bên cạnh đó, việc chuyển đổi mô hình tổ chức từ Chi cục Hải quan Long Thành sang Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đồng Nai đã góp phần nâng cao giá trị thương hiệu, năng lực cạnh tranh và tạo cơ hội cho đơn vị khai thác nhóm hàng phế liệu, thu hút thêm một số khách hàng mới làm cho sản lượng ngành hàng container tăng. Ngoài ra, việc thiếu hụt container rỗng làm cho một số khách hàng chuyển sang đi tàu rời làm tăng nhu cầu thị trường khai thác hàng tổng hợp dẫn đến sản lượng thực hiện của ngành hàng tổng hợp cũng tăng so với cùng kỳ năm trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.23. Giá vốn hàng bán**

Là giá vốn của dịch vụ đã cung cấp trong kỳ.

4.24. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Lãi tiền gửi	5.085.982.928	3.301.934.159
Cổ tức, lợi nhuận được chia - Xem thêm Mục 4.33	2.318.625.000	2.558.790.000
Cộng	<u>7.404.607.928</u>	<u>5.860.724.159</u>

4.25. Chi phí tài chính

Là chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ.

4.26. Chi phí bán hàng

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Chi phí hoa hồng, môi giới	3.544.017.953	3.829.555.218
Chi phí nhân viên	2.186.717.397	2.175.701.110
Chi phí bằng tiền khác	683.339.085	3.034.180.246
Cộng	<u>6.414.074.435</u>	<u>9.039.436.574</u>

Chi phí bán hàng kỳ này giảm hơn 29% so với kỳ trước chủ yếu do giảm chi phí hội nghị khách hàng.

4.27. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Chi phí nhân viên quản lý	11.529.608.838	11.033.147.729
Thuế, phí và lệ phí	5.665.958.665	5.326.182.397
Chi phí khấu hao tài sản cố định	622.955.523	684.773.418
Chi phí dự phòng các khoản phải thu khó đòi	24.345.604	15.605.090
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.009.698.849	2.158.279.669
Chi phí khác bằng tiền	4.825.026.499	5.802.693.325
Cộng	<u>24.677.593.978</u>	<u>25.020.681.628</u>

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.28. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.991.152.649	4.853.738.393
Chi phí nhân công	48.128.765.970	45.044.132.897
Chi phí khấu hao tài sản cố định	29.032.272.711	28.263.314.936
Chi phí dự phòng các khoản phải thu khó đòi	24.345.604	15.605.090
Chi phí trích trước sửa chữa lớn tài sản cố định	10.000.000.000	7.000.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	259.010.460.177	245.856.517.145
Chi phí khác bằng tiền	20.027.410.989	22.882.064.687
Cộng	373.214.408.100	353.915.373.148

4.29. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành được xác định như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	156.645.868.542	114.200.140.922
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	499.990.328	507.686.128
Trừ: Thu nhập miễn thuế (cổ tức và lợi nhuận được chia)	(2.318.625.000)	(2.558.790.000)
Thu nhập tính thuế	154.827.233.870	112.149.037.050
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	30.965.446.774	22.429.807.410

Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí khi tính thuế.

4.30. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	186.197.544.940	162.686.102.837

4.31. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(180.712.329.368)	(155.946.169.927)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.32. Báo cáo bộ phận**

Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Công ty, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động về những khác biệt về sản phẩm mà Công ty cung cấp hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Cụ thể như sau:

- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ cảng biển nên không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo lĩnh vực kinh doanh cần thiết phải thuyết minh;
- Bộ phận theo khu vực địa lý: Hoạt động của Công ty chủ yếu là dịch vụ cảng biển tại khu vực tỉnh Đồng Nai nên không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

Do vậy, Công ty không có báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

4.33. Thông tin về các bên liên quanDanh sách các bên liên quanMối quan hệ

1. Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	Công ty mẹ
2. Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	Công ty liên kết
3. Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai	Công ty liên kết
4. Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam	Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể
5. Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai	Công ty cùng tập đoàn
6. Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	Công ty cùng tập đoàn
7. Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	Công ty cùng tập đoàn
8. Công ty Cổ phần Môi Trường Sonadezi	Công ty cùng tập đoàn
9. Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	Công ty cùng tập đoàn
10. Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	Công ty cùng tập đoàn
11. Công ty Cổ phần Tiếp vận Số 1 Đồng Nai	Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt
12. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu/ (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	<u>Tại ngày 30/06/2022 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2022 VND</u>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng:		
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	39.483.414	1.991.040
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai	24.046.995	9.563.840
Công ty Cổ phần Tiếp vận Số 1 Đồng Nai	-	978.691.910
Cộng - Xem thêm Mục 4.3	<u>63.530.409</u>	<u>990.246.790</u>

Phải thu ngắn hạn khác - Xem thêm Mục 4.5:

Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai (*)	945.000.000	-
---	-------------	---

(*) Là khoản cổ tức năm 2021 phải thu của Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai theo thông báo chi trả cổ tức số 12/TB-HĐQT ngày 20 tháng 06 năm 2022.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Phải trả người bán ngắn hạn:		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai	(10.898.883.390)	(6.873.328.578)
Công ty Cổ phần Tiếp vận Số 1 Đồng Nai	(13.850.330.106)	(7.048.170.162)
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	(327.346.467)	(2.106.372.365)
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	(202.730.430)	(165.574.710)
Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	(78.000.000)	-
Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	(21.344.040)	(35.821.500)
Cộng - Xem thêm Mục 4.12	(25.378.634.433)	(16.229.267.315)
Phải trả ngắn hạn khác (*):		
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	(23.615.550.000)	-
Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam	(9.375.000.000)	-
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	(661.500.000)	-
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	(200.497.500)	-
Ông Huỳnh Ngọc Tuấn	(8.977.500)	-
Cộng - Xem thêm Mục 4.16	(33.861.525.000)	-
(*) Là khoản cổ tức năm 2021 phải trả theo Nghị quyết số 31/2022/NQ-HĐQT về việc chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền trả cổ tức đợt 2 (đợt cuối) năm 2021 ngày 07 tháng 06 năm 2022.		
Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:		
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cung cấp dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Tiếp vận Số 1 Đồng Nai	3.107.337.108	2.779.186.892
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	325.040.261	303.812.025
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai	159.061.497	186.236.259
Cộng - Xem thêm Mục 4.22	3.591.438.866	3.269.235.176
Mua dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Tiếp vận Số 1 Đồng Nai	38.603.369.135	27.223.820.062
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai	28.053.525.138	22.403.897.400
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	1.044.059.000	960.648.200
Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai	294.982.780	239.541.720
Công ty Cổ phần Môi Trường Sonadezi	117.085.000	113.530.000
Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	101.400.000	-
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	28.482.800	150.404.260
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	14.000.000	-
Cộng	69.256.822.853	51.994.811.642

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia:		
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	1.373.625.000	1.208.790.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai	945.000.000	1.350.000.000
Cộng - Xem thêm Mục 4.24	<u>2.318.625.000</u>	<u>2.558.790.000</u>

Cổ tức đã trả:

Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	14.169.330.000	14.169.330.000
Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam	5.625.000.000	5.625.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	396.900.000	396.900.000
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	120.298.500	120.298.500
Ông Huỳnh Ngọc Tuấn	5.386.500	5.386.500
Cộng	<u>20.316.915.000</u>	<u>20.316.915.000</u>

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong kỳ như sau:

Tên	Chức vụ	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Trần Thanh Hải	Chủ tịch Hội đồng quản trị	224.068.000	355.615.000
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Tổng Giám đốc	706.980.000	809.890.000
Ông Trần Văn Nguyên	Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng quản trị	676.791.000	750.194.000
Ông Huỳnh Ngọc Tuấn	Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng quản trị	676.791.000	750.195.000
Ông Nguyễn Văn Ban	Phó Tổng Giám đốc	280.000.000	-
Ông Nguyễn Tiến Hùng	Thành viên Hội đồng quản trị	173.584.000	194.395.000
Ông Đặng Doãn Kiên	Thành viên Hội đồng quản trị	162.805.000	27.080.000
Ông Phan Trọng Dũng	Thành viên Hội đồng quản trị (miễn nhiệm ngày 28/04/2021)	10.781.000	219.113.000
Bà Vũ Thị Quỳnh Trang	Kế toán trưởng	497.263.000	528.185.000
Cộng		<u>3.409.063.000</u>	<u>3.634.667.000</u>

4.34. Thu nhập Ban kiểm soát

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động	708.713.000	893.423.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.35. Cam kết theo các hợp đồng thuê hoạt động**

Công ty thuê đất của Nhà nước theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có kỳ hạn trung bình là 50 năm, với tiền thuê cố định mỗi kỳ:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong kỳ	5.150.719.519	5.131.817.394

Tại ngày 30/06/2022, Công ty có các khoản cam kết phải trả đến hạn theo các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Từ 1 năm trở xuống	10.301.439.038	10.263.634.788
Trên 1 năm đến 5 năm	41.498.064.372	41.089.380.421
Trên 5 năm	235.731.941.675	240.479.366.755
Cộng	287.531.445.085	291.832.381.964

4.36. Số liệu so sánh

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ (Trích):

	Kỳ trước VND (Được báo cáo lại)	Kỳ trước VND (Đã được báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu	4.340	4.343

Chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu kỳ trước được báo cáo lại do Công ty trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2021 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 20/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 04 năm 2022.

4.37. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Nguyễn Ngọc Tuấn
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 10 tháng 08 năm 2022

Vũ Thị Quỳnh Trang
Kế toán trưởng

Nguyễn Cảnh Thìn
Người lập